TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC Y-PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ- ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2025
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC Y – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực Y-Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực Y-Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực Y- Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị TTN, sinh năm 1989 (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TS, xã HL, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Thôn LN, xã TL, tỉnh Hưng Yên.

2, Bị đơn: Anh NVĐ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TS, xã HL, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 25/7/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị TTN trình bày:

Chị kết hôn với anh NVĐ ngày 16/10/2009. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã HL, tỉnh Phú Thọ). Sau khi cưới chị N về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh Đ, đến năm 2011 thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, chị về nhà mẹ đẻ sau đó đi làm ăn và thuê nhà trọ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tháng 02/2025 chị đã làm đơn xin ly hôn anh Đ, sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không cải thiện được tình cảm. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh NVĐ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là NAT, sinh ngày 23/5/2011 và NHH, sinh ngày 23/8/2014, hiện nay hai con đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N xin nuôi cả hai không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh NVĐ, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2025 bà VTP là mẹ anh Đ trình bày: Bà kết hôn cho anh Đ lấy chị N năm 2009. Sau khi kết hôn chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình bà, được 02 năm thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng nhưng vẫn ở tại nhà đất của gia đình bà, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà không biết nhưng chị N nói với bà là vợ chồng không chung sống cùng nhau được, vợ chồng ly thân từ khoảng năm 2020 đến nay. Chị N xin ly hôn anh Đ tùy anh chị quyết định, bà có hỏi anh Đ việc chị N xin ly hôn thì anh Đ nói đồng ý. Về con chung của vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Ly hôn bà đề nghị giải quyết theo pháp luật, về tài sản, công nợ, công sức bà không biết. Hiện nay anh Đ vẫn ở cùng gia đình bà, anh đi làm ở đâu bà cũng không biết những lần Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh Đ, bà đều thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc, anh Đ có biết việc chị N xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn nên không về Tòa làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025 cháu NAT trình bày: Cháu là con bố Đông mẹ Nhung, cháu vừa học xong lớp 8 trường tiểu học HL, tỉnh Phú Thọ, bố mẹ cháu mâu thuẫn như thế nào cháu không rõ, bố cháu hiện nay đi làm vắng nhà, địa chỉ ở đâu cháu không rõ, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025 cháu NHH trình bày: Cháu là con bố Đông mẹ Nhung, cháu vừa học xong lớp 5 trường tiểu học HL, tỉnh Phú Thọ, bố mẹ cháu mâu thuẫn như thế nào cháu không rõ, bố cháu hiện nay đi làm vắng nhà, địa chỉ ở đâu cháu không rõ, hiện nay cháu đang ở cùng mẹ, nguyện vọng của cháu mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực Y- Phú Thọ phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị N trực tiếp nuôi hai con, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức

đóng góp: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có quan điểm, anh Đ vắng mặt nên không xem xét. Về án phí chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị TTN khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh NVĐ, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã HL, tỉnh Phú Thọ. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực Y- Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 25/7/2025 chị TTN có đơn xin ly hôn anh NVĐ. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa TTN và anh NVĐ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị N, anh Đ chỉ có thời gian ngắn hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị N là do vợ chồng bất đồng quan điểm chị N đã về nhà mẹ đẻ sau đó thuê nhà trọ và đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh Đ. Xác minh tại địa phương xã HL thể hiện anh Đ đi làm ăn thời gian dài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh Đ Tòa án báo gọi nhiều lần không đến Tòa làm việc không biết quan điểm ra sao điều đó thể hiện anh Đ không mong muốn đoàn tụ. Lời khai hai con anh Đ cũng thể hiện anh Đ đi làm vắng nhà. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị N xin ly hôn là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị TTN được ly hôn anh NVĐ.

Về con chung: Xét đề nghị của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị N. Anh Đ không đến Tòa không biết quan điểm ra sao vì vậy cần giao cho chị N nuôi cả hai con cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ không đến Tòa

không biết quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào anh Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị TTN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị TTN được ly hôn anh NVĐ.

2. Về con chung: Giao cho chị TTN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu NAT, sinh ngày 23/5/2011 và NHH, sinh ngày 23/8/2014, cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được, (hiện nay hai con đang ở cùng chị N). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị TTN phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0000808 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực Y- Phú Thọ;
- Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã HL (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Trung Thành – Trần Thị Kim Khuyên	**Nguyễn Công Sinh**

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HL: Việc kết hôn giữa chị Lan và anh Đức được Ủy ban nhân dân xã HL đăng ký kết hôn ngày 27/10/2021, sau ngày cưới chị Lan về làm dâu gia đình anh Đức, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xẩy ra va chạm, hiện nay không thấy chị Lan ở gia đình anh Đức. Anh Đức hiện nay vẫn sinh sống và làm việc tại thôn Tân Lập, xã HL. Nay chị Lan xin ly hôn anh Đức đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.